

NGỮ PHÁP MINNA BÀI 13

📖 50 Bài Minna(full) 👁 1,423 Views

Ngữ pháp minna bài 13 – Tính tiền riêng cho tôi nhé

Ngữ pháp minna bài 13

Chào các bạn. Chào mừng các bạn đến với Series 50 bài Minna cơ bản. Hôm nay chúng ta sẽ học Minna bài 13.

Chia sẻ kinh nghiệm học tiếng Nhật

Ngữ pháp minna bài 13

Nhiều bạn hỏi mình học Kanji như thế nào. Mình xin chia sẻ 1 số kinh nghiệm của mình.

1. Không cần luyện viết, chỉ cần nhận được mặt chữ và nhớ được âm hán.

2. Nhớ được âm Hán là quan trọng nhất. Từ đó biết được nghĩa của từ.

vd chữ 現 – Hiện: hiện tại, hiện hữu – chỉ cần nhìn chữ và biết được chữ này là chữ Hiện đã.

vd chữ 在 – Tại: tồn tại, đang có – chỉ cần nhìn chữ này và biết được được nó là chữ Tại.

Rồi bây giờ nhìn vào 現在 – có thể suy ra được 2 chữ trên nghĩa là gì rồi chứ?

Trung tâm đông du dậy hs theo phương pháp này. Nhớ gần 2k từ rồi mới cho học tiếng N thì phải. Mình không biết tới phương pháp này trước khi sang N. Sang đây biết được tầm quan trọng của âm Hán nên học dần dần.

Trong các nước học tiếng Nhật. Người Trung Quốc có lợi Hán tự, nhưng ngữ pháp bị ngược. Người Nepal và Hàn ngữ pháp thuận giống người Nhật. Người Hàn Quốc có lợi hơn xít là những chữ của họ phát âm rất giống với tiếng Nhật. Người Việt mình được lợi từ âm Hán này nhưng Ngữ pháp bị ngược. Nên bạn nào không biết học âm Hán thì coi như không tận dụng được lợi thế. Thêm chút nữa là ngày xưa trong chương trình học của người Hàn có Kanji. Kanji được dạy tới hết cấp 3 vì vậy mà một số nơi ở Hàn vẫn có biển Kanji. Nghe nói vậy chứ mình chưa sang Hàn. Các thông tin trên mình lược lặt được trong quá trình đi học tiếng Nhật miễn phí với các bạn nước ngoài bên này.

3. Nhớ được âm Hán sẽ có thể áp dụng được quy tắc chuyển âm hán qua âm Nhật

– Cái này mình đang tham khảo và làm một bài tổng hợp, chi tiết hơn. Cái gì cũng muốn viết mỗi tội không có time.

4. Phiên âm (âm kun)Kanji thì bắt buộc phải học không có cách nào khác

5. Chẳng có cái gì khó cả chỉ có không chịu khó thôi

I. Giải thích thêm về 1 số từ mới- Ngữ pháp minna bài 13

- Bài này mình muốn giải thích thêm về một số từ mới có trong bài
- 定食-ていしょく : Hán tự là Định Thực- Là một món trong menu của quán. Thường bao gồm cơm, thịt hoặc cá, canh miso và một ít giống dưa muối Việt Nam- 漬物-つけもの. Các bạn xem ảnh bên dưới để dễ hình dung nhé

cơm set

- 牛丼 (ぎゅうどん) - Cơm có thịt bò, các bạn xem ảnh bên dưới nhé

guu don

Ở trên là 2 món ăn khá phổ biến trong các quán ăn nhanh bên Nhật.

- Động từ 入ります (はいります) đi với に , nói vào đâu đó vd: 店 (みせ) にはいります。
- Động từ 出ます (出ます) đi với を , nói ra khỏi đâu đó vd: 店 を 出ます。

II. Hoàn cảnh của bài học- Ngữ pháp minna bài 13

minna bài 13

- Bài này anh Mira và anh yamada đi ăn trưa. Anh yamada có dùng câu: 昼 (ひる) ごはん を 食べるに 行きませんか。 Mẫu câu nói đi đâu đó để làm gì đó. Trong trường hợp này là nói đi để ăn cơm- đi ăn cơm.

– Lúc gọi món (注文ーちゅうもん) anh Mira có nói là muốn ăn món của Nhật: 日本料理 が 食べたい です。

Mẫu này dùng thể たい để nói muốn làm gì đó.

– Ngoài ra còn học cách nói muốn gì đó dùng mẫu: Danh từ が ほしい です。

vd: 車 が ほしい です。Muốn có chiếc xe hơi.

III. Ngữ pháp minna bài 13

1. Danh từ が ほしい です。

– Dùng để nói ham muốn. Muốn thứ gì đó.

vd: お金 が ほしい です。Tôi muốn có tiền.

パソコン が ほしい です。Tôi muốn cái máy tính.

本 が ほしい です。Tôi muốn cuốn sách.

子供（こども） が ほしいです。Tôi muốn có em bé.

– ほしい là tính từ đuôi い nên chia ở phủ định sẽ thành ほしくない.

自転車（じてんしゃ） が ほしくない です。Tôi không muốn xe đạp.

– Trong câu hỏi.

何（なに）が ほしい ですか。bạn muốn gì vậy?

携帯電話（けいたいでんわ） が ほしい です。Tôi muốn chiếc điện thoại di động.

2.V たい です。

– Chia thể たい giống thể ます。Nói đơn giản V ます thay ます bằng たい.

– Nói muốn làm gì

vd: 食べますー> 食べたい muốn ăn

飲みますー> のみたい muốn uống

休みますー> やすみたい muốn nghỉ

勉強しますー> べんきょうしたい muốn học

vd: 日本へ 行きたい です。Tôi muốn đi Nhật

友達（ともだち）の 家で 遊びたい（あそびたい） です。Tôi muốn chơi tại nhà bạn

留学したいです。（りゅうがく）Tôi muốn đi du học.

– Trong câu phủ định たい-> たくない。

私（わたし）は 英語（えいご）を べんきょうしたくない です。

Tôi không muốn học tiếng anh.

– Trong câu hỏi

何（なに）をしたいですか。Bạn muốn làm gì?

なにもしたくないです。Tôi không có muốn làm gì cả.

Lưu ý: ほしい và V たい không dùng cho người thứ 3.

– Người thứ 3 là người không phải người nói hoặc người nghe

3.Danh từ địa điểm へ (Động từ thể ます/Danh từ) に 行きます 来ます 帰ります

– Nói đi đâu để làm gì

vd: Tới Nhật để học tiếng Nhật 日本 へ 日本語の勉強（べんきょう） に 来ました。

京都（きょうと）へ 友達（ともだち）に 会い（あ）に 行きます。Tới Kyoto để gặp bạn.

– Lưu ý: Danh từ trong mẫu trên phải là danh từ chỉ hành động

vd: べんきょう – học, 買い物（かいもの） mua sắm、結婚（けっこん） kết hôn

Ngữ pháp minna bài 13

4.Cách dùng どこか、なにか

– どこか- ở đâu đó , sau どこか có thể bỏ trợ từ

vd: sau どこ hay dùng với へ hoặc に, nhưng dùng どこか thì có thể bỏ へ hoặc に vẫn ok

Muốn đi đâu đó: どこか いきたい です。Muốn đi đâu đó.

– なにか- cái gì đó , sau なにか- có thể bỏ trợ từ như với どこか

vd: なにか しましたか。Bạn đã làm gì đó không?

– Lưu ý: nhiều bạn sẽ dễ bị lẫn 2 câu trên với những câu hỏi thông thường nhé:

vd: どこ へ 行きましたか。Bạn đã đi đâu chơi vậy?

北海道（ほっかいどう）へ 行きました。Tôi đi hokkaido.

Câu này người nói biết người nghe đã đi đâu nên hỏi vậy.

どこか へ 行きましたか。Bạn có đi đâu không.

はい、行きました。Có tôi có đi.

Câu này người nói hỏi người nghe có đi đâu không, muốn biết là có đi hay chỉ ngồi nhà...

Ngữ pháp minna bài 13

IV. Phần văn hóa liên quan tới bài- Minna bài 13

Ngữ pháp minna bài 13

– Các công ty Nhật thường làm việc từ 9h sáng – 17h30 . Trưa nghỉ từ 12h-13h.

Như trong bài anh yamada rủ a Mira đi ăn trưa lúc 12h. Thường thì trong cty sẽ có chuông kêu.

– Giờ nghỉ trưa mọi người có thể ăn ngoài, ra ngoài mua bento- cơm hộp(弁当) ベンとう về ăn, hoặc những ai chuẩn bị cơm hộp từ nhà thì bỏ ra ăn.

– Văn hóa của Nhật cũng giống VN. Sếp chỉ thi thoảng mời những bữa nhậu, còn lại ăn cơm trưa thì mọi người sẽ tự trả, trong bài anh Mira tự nói lúc thanh toán là: 別々にお願ひします。(べつべつにおねがいします) .

Xin hết Minna bài 13. Chúc các bạn học tốt.

Thực sự thấy giáo trình minna rất hay. Các bạn không nên học lan man, tập trung vào 1 cuốn minna là quá giỏi rồi.

Mình viết các bài viết khác về việc học tiếng Nhật, kinh nghiệm du học và cuộc sống tại Nhật. Các bạn quan tâm hãy like page để lấy thông tin mới nhất và tổng hợp nhé! Xin cảm ơn!!!

Comments

comments